

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Nghệ An, ngày 07 tháng 06 năm 2019.



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	8
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu.....	10
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	15
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	16
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 28. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	31
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	33
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 30. Cán Bộ Quản lý.....	34
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	34
Điều 32. Thư ký Công ty.....	35
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	36
Điều 33. Kiểm soát viên.....	36
Điều 34. Ban kiểm soát.....	38
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	39
Điều 35. Trách nhiệm cân trọng.....	39
Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	40
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	40
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	41
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn.....	41
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	41
Điều 40. Phân phối lợi nhuận.....	41
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	42
Điều 41. Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 42. Năm tài chính.....	42
Điều 43. Chế độ kế toán.....	42
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	42
Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	42
Điều 45. Báo cáo thường niên.....	43
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	43
Điều 46. Kiểm toán.....	43
XVII. CON DẤU.....	44

Điều 47. Con dấu.....	44
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	44
Điều 48. Chấm dứt hoạt động	44
Điều 49. Gia hạn hoạt động.....	44
Điều 50. Thanh lý.....	44
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	45
Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	45
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	45
Điều 53. Ngày hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào 09 tháng 06 năm 2015 và được sửa đổi theo Nghị quyết ngày 07 tháng 06 năm 2019.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

"**Chuẩn mực Kế toán**" nghĩa là Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính Việt Nam ban hành vào từng thời điểm;

"**Bên liên kết**" liên quan đến một Người nghĩa là bất kỳ Người nào trực tiếp hay gián tiếp Kiểm soát, được Kiểm soát bởi hoặc chịu sự Kiểm soát chung với Người đó. Không giới hạn nội dung trên, một Bên liên kết của một cá nhân cũng sẽ bao gồm các thành viên gia đình trực hệ của Người đó;

"**Luật Áp dụng**" nghĩa là tất cả các đạo luật, pháp luật, pháp lệnh, quy tắc và quy định áp dụng, bao gồm nhưng không giới hạn vào bất kỳ giấy phép, cho phép nào hay Phê duyệt khác của chính phủ, trong từng trường hợp có hiệu lực vào từng thời điểm;

"**Ủy ban Kiểm toán**" có nghĩa được quy định tại Điều 31.1;

"**Kiểm toán viên**" nghĩa là các kiểm toán viên độc lập bên ngoài của Công ty;

"**Cơ quan có Thẩm quyền**" nghĩa là cơ quan, ban ngành, ủy ban, nhà chức trách, tổ chức hay đơn vị trực thuộc quốc gia, đa quốc gia, khu vực hay chính quyền sở tại hoặc trực thuộc chính phủ, theo luật định, quản lý, hành chính, tài chính hoặc thuộc sở hữu của chính phủ, hoặc ngân hàng trung ương (hoặc bất kỳ Người nào dù thuộc hay không thuộc sở hữu của chính phủ và dù được thành lập hay có tên gọi như thế nào, mà thực hiện các chức năng của một ngân hàng trung ương) hoặc bất kỳ tòa án, hội đồng trọng tài, hoặc cơ quan tư pháp hay trọng tài;

"**Hội đồng Quản trị**" nghĩa là hội đồng quản trị của Công ty;

"**Ngày Làm việc**" nghĩa là ngày các ngân hàng mở cửa giao dịch tại New York, New York, Hoa Kỳ và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

"**Chủ tịch**" nghĩa là chủ tịch Hội đồng Quản trị;

"**Điều lệ**" nghĩa là điều lệ này của Công ty;

"**Vốn Điều lệ**" nghĩa là số vốn được đóng góp bởi tất cả các Cổ đông và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;

"**Công ty**" nghĩa là Công ty Cổ phần Nafoods Group;

"**Kiểm Soát**" nghĩa là khả năng chỉ đạo việc quản lý hoặc các chính sách của một Bên, trực tiếp hoặc gián tiếp, cho dù thông qua quyền sở hữu phần hoặc chứng khoán khác, bằng hợp đồng hay cách khác; miễn là trong mọi trường hợp, quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ hai mươi sáu phần trăm (26%) trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của một Bên được coi là cấu thành việc Kiểm soát Bên đó và "đang Kiểm soát" và "được Kiểm soát" ý nghĩa tương ứng;

"**Quy chế Điều hành và Quản lý**" nghĩa là quy chế do Công ty soạn thảo và được Hội đồng Quản trị chấp thuận;

"**Năm Tài chính**" nghĩa là năm kế toán của Công ty bắt đầu hàng năm vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 trong năm đó;

"**Đại hội đồng cổ đông**" nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

"**Ủy ban Nhân sự & Lương Thưởng**" có nghĩa được quy định tại Điều 34.1;

"**Ban Kiểm soát**" nghĩa là ban kiểm soát của Công ty;

"**Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty**" nghĩa là quy chế nội bộ về quản trị công ty do Hội đồng Quản trị soạn thảo và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận vào từng thời điểm;

"**Luật Doanh nghiệp**" nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, được sửa đổi vào từng thời điểm;

"**Luật Chứng khoán**" nghĩa là Luật Chứng khoán của Việt Nam số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010, được sửa đổi vào từng thời điểm;

"**Cán Bộ Quản lý**" là các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê chuẩn;

"**Quy chế Điều hành**" nghĩa là quy chế điều hành của Công ty;

"**Cổ phần Phổ thông**" nghĩa là một cổ phần phổ thông trong vốn điều lệ của Công ty, có các quyền, ưu đãi và đặc quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này và Luật Áp dụng;

"**Cổ đông Phổ thông**" nghĩa là một chủ sở hữu của Cổ phần Phổ thông;

"**Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại**" nghĩa là một cổ phần ưu đãi hoàn lại trong Vốn Điều lệ của Công ty, có các quyền, ưu đãi và đặc quyền như được quy định trong Điều lệ này và Luật Áp dụng;

"**Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại**" nghĩa là chủ sở hữu của một Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại;

"**Người có Liên quan**" nghĩa là các cá nhân hay tổ chức được xác định tại Khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

"**Thư ký**" nghĩa là thư ký của Công ty;

"**Cổ phần**" nghĩa là một cổ phần trong vốn điều lệ của Công ty, bao gồm, vào ngày của Điều lệ này, Cổ phần Phổ thông và Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại;

"**Cổ đông**" nghĩa là chủ sở hữu của bất kỳ Cổ phần nào;

"**Sổ đăng ký Cổ đông**" nghĩa là sổ đăng ký cổ đông của Công ty, do Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lưu giữ tùy theo trường hợp;

"**Công ty con**" liên quan đến Công ty nghĩa là một Bên liên kết (a) có trên năm mươi phần trăm (50%) vốn của Bên liên kết này được sở hữu, trực tiếp hoặc gián tiếp, bởi Công ty hoặc (b) đối với Bên liên kết đó Công ty có, trực tiếp hoặc gián tiếp, quyền chỉ đạo việc quản lý hoặc chính sách của Bên liên kết đó,

cho dù thông qua quyền sở hữu cổ phần hoặc chứng khoán khác, bằng hợp đồng hay theo cách khác;

"**Thuế**" hay "**các khoản Thuế**" nghĩa là bất kỳ khoản thuế hiện tại hoặc tương lai nào (bao gồm thuế chứng thu), nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn, thuế quan và bất kỳ khoản phí nào khác được áp dụng bởi bất kỳ Cơ quan có Thẩm quyền nào;

"**Kế hoạch Kinh doanh**", bao gồm Kế hoạch Kinh doanh Năm Năm, hàng năm và hàng quý, nghĩa là bản kế hoạch về các hoạt động sản xuất và kinh doanh mà Công ty sẽ thực hiện trong kỳ kế hoạch, được Hội đồng Quản trị phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển của Công ty đã được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua. Kế hoạch Kinh doanh gồm các nội dung được quy định tại Phụ lục II của Quy chế Quản lý và các nội dung khác mà Hội đồng Quản trị quyết định;

"**Việt Nam**" nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; và

"**Đồng Việt Nam**" hoặc "**VNĐ**" nghĩa là tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty.
 - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Nafoods Group
 - Tên tiếng Anh: Nafoods Group Joint Stock Company
 - Tên viết tắt: NAFOODS GROUP
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
 - Điện thoại: 0238 3853 322
 - Fax: 0238 3853 902
 - Website: www.nafoods.com
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 49 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết : Xây dựng công trình công nghiệp thủy lợi);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Chăn nuôi khác (Chi tiết: Chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Chi tiết: Kinh doanh siêu thị);
- Bán buôn tổng hợp (Chi tiết: Mua bán cây trồng, vật nuôi);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch (Chi tiết: Kinh doanh du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, khu Resort)
- Bán buôn đồ uống;
- Sản xuất rượu vang;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán phân bón);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng);
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;

- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin;
- Hoạt động viễn thông khác.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Công ty trở thành một tập đoàn kinh tế hàng đầu trong việc tạo ra chuỗi giá trị nông nghiệp xanh, bền vững cạnh tranh toàn cầu bằng chiến lược phát triển chuyên nghiệp, khép kín từ giống, trồng, chăm sóc, chế biến, xuất khẩu và phân phối – bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng, trong đó hướng vào thị trường xuất khẩu chính là Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và Trung Đông tập trung vào các sản phẩm truyền thống từ nước ép hoa quả, sản phẩm IQF và dược liệu nhằm mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Tạo ra các sản phẩm nông nghiệp tự nhiên, an toàn, thân thiện môi trường với chất lượng và giá cả cạnh tranh, nhằm thỏa mãn nhu cầu của các thị trường xuất khẩu và người tiêu dùng trong nước, góp phần thay đổi diện mạo ngành sản xuất nông nghiệp chế biến rau củ quả của Việt Nam nhằm đem lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 362.997.820.000VNĐ (Ba trăm sáu mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 36.299.782 cổ phần với mệnh giá là 10.000VNĐ/cổ phần.

2. Công ty có thể điều chỉnh Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Luật Áp dụng.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm Cổ phần Phổ thông và Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Luật Áp dụng.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về Cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục 1 này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần Phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần Phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số Cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số Cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua Cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Luật Áp dụng. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Luật Áp dụng.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số Cổ phần và loại Cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại Cổ phần mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu Cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua Cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số Cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Tất cả các Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này Luật Áp dụng có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó

thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ đông Phổ thông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số Cổ phần và loại Cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông Phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng Cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Luật Áp dụng;

- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần Phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông trong Danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần sở hữu sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông nắm giữ loại Cổ phần khác của Công ty theo quy định của Luật Áp dụng;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Áp dụng.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số Cổ phần Phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25, Khoản 2 Điều 34 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông Phổ thông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua Cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua Cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Áp dụng và Điều lệ này.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại

Một Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có các quyền, ưu đãi và đặc quyền tương tự như Cổ đông Phổ thông (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền nhận cổ tức và các khoản chia khác của Công ty theo tỷ giá tương đương với Cổ đông Phổ thông), trừ việc Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có các quyền, ưu đãi và đặc quyền khác như được quy định tại Phụ lục 2 của Điều lệ này.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc Năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho Năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của Năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà Luật Áp dụng quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một Cổ đông có liên quan;

- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Cán bộ Quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại Cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại Cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn Kiểm toán viên;

- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại Cổ phần và số lượng Cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại Cổ phần và việc chuyển nhượng Cổ phần của Cổ đông sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư, thông qua hợp đồng mua, thế chấp, cầm cố, bán, vay, cho vay hoặc những hợp đồng khác có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - o. Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 15 khi Cổ đông đó hoặc Người Có Liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại Cổ phần của Cổ đông đó hoặc của Người Có Liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại Cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
- b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% Cổ phần Phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại Cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ Cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp được quy định tại điểm b hoặc điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách này được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty và phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán nhà nước. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 18 trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
- d. Các trường hợp khác.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% Cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiên hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
7. Chủ tọa của đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.
9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định xin ý kiến Cổ đông bằng văn bản:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - b. Định hướng phát triển Công ty;
 - c. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - e. Quyết định phương án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm của Công ty; và
 - g. Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
 - e. Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác ngoài các vấn đề nêu tại Khoản 2 Điều 21 trên đây sẽ được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
 4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc không theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này và khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- d. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Nghị quyết được thông qua.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng

tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài, nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
 4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, hoặc được đăng lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi kết thúc cuộc họp.
 6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông được thông báo tới Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không tuân thủ đúng quy định của Điều lệ hoặc Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp nêu tại Khoản 7 Điều 18 của Điều lệ Công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm Luật Áp dụng hoặc Điều lệ.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ

có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
2. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

- d. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
 6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Luật Chứng khoán.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các Cán Bộ Quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật Áp dụng và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển và sản xuất kinh doanh từ 3 - 5 năm và ngân sách hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán Cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán Cổ phần và trái phiếu của Công ty và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư và giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% cho đến nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; quyết định việc đầu tư của Công ty ra nước ngoài;
 - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i. Thông qua hợp đồng mua, thế chấp, cầm cố, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác mà giá trị mỗi hợp đồng mua, bán, vay, cho vay hoặc hợp đồng khác đó từ 35% cho đến nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điểm m Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
 - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định tiền lương và các điều khoản làm việc của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở các Công ty khác mà Công ty tham gia góp vốn, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán Bộ Quản lý trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự của Công ty, trên cơ sở định hướng phát triển Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, ban hành Quy chế Điều hành, các quy chế quản lý Công ty mà Hội đồng quản trị cho là cần thiết, quyết định đầu tư góp vốn thành lập Công ty con, Công ty liên kết, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Cổ đông;
 - n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
 - q. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - r. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách của Công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - s. Các vấn đề khác liên quan đến Công ty mà Hội đồng quản trị thấy rằng cần phải được quyết định bởi Hội đồng quản trị, ngoài các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; và
 - t. Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Áp dụng.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Cán Bộ Quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Cán Bộ Quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
7. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Từ ngày 1 tháng 8 năm 2020, Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;

- g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc/Trưởng ban và tương đương, Trưởng và Phó phòng; quyết định tiền lương và các điều khoản làm việc của Giám đốc/Trưởng ban và tương đương, Trưởng và Phó phòng
 - h. Kiến nghị lên Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.
 - i. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
 5. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, Chủ tịch phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch đồng thời thông báo việc ủy quyền đó tới tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại. Nếu không có Thành viên Hội đồng quản trị nào được ủy quyền, các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;

- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý Cán Bộ Quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành điều hành của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

- 8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và Người Có Liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 29. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập một tiểu ban kiểm toán ("Tiểu Ban Kiểm Toán"), tiểu ban nhân sự và lương thưởng ("Tiểu Ban Nhân Sự & Lương Thưởng") là các tiểu ban của Hội đồng quản trị để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Tiểu Ban Kiểm Toán, Tiểu Ban Nhân Sự & Lương Thưởng phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban.
2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban đặc biệt khác sau khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các tiểu ban quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác, thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc

cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (i) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài không nhiều hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (ii) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi các thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp có hơn năm mươi (50)% thành viên Hội đồng quản trị của các tiểu ban đó.

4. Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc chỉ định thành viên của tiểu ban có thể có sai sót.
5. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.
6. Các quy định liên quan về cơ cấu tổ chức, chức năng của Tiểu Ban Kiểm Toán:
 - 6.1. Cơ cấu tổ chức của Tiểu Ban Kiểm Toán: Phần lớn thành viên của Tiểu Ban Kiểm Toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Các nội dung cụ thể liên quan đến cơ cấu tổ chức của Tiểu Ban Kiểm Toán sẽ được quy định tại Quy Chế Điều hành Công ty.
 - 6.2. Ít nhất một (01) thành viên của Tiểu Ban Kiểm Toán có các bằng cấp, chứng chỉ hoặc có kinh nghiệm liên quan đến công tác tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.
 - 6.3. Tiểu Ban Kiểm Toán có những quyền hạn và trách nhiệm dưới đây:
 - a. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu Ban Kiểm Toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó.
 - c. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 33 và Điều 34 của Điều Lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị ra quyết định xử lý;

d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này;

f. Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công ty;

g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công ty.

i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công ty:

(i). Đề xuất lựa chọn Kiểm toán viên, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 45 của Điều Lệ này;

(ii). Thảo luận với Kiểm toán viên về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

(iii). Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

(iv). Xem xét thư quản lý của Kiểm toán viên;

(v). Giám sát tính độc lập và khách quan của Kiểm toán viên.

j. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều Lệ này, Quy Chế Điều hành, và quy định của Luật Áp dụng.

6.4. Tiểu Ban Kiểm Toán được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

6.5. Tổng Giám đốc và Cán Bộ Quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Tiểu Ban Kiểm Toán

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 30. . Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các (Phó tổng giám đốc) điều hành và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch hội đồng quản trị một cách hợp thức.

Điều 31. Cán Bộ Quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Cán Bộ Quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị, đề xuất tùy từng thời điểm. Cán Bộ Quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Cán Bộ Quản lý khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, và các vấn đề thuộc thẩm quyền chủ tịch Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại Cán Bộ Quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán Bộ Quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, khung lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - e. Tổng Giám đốc sẽ là người đại diện cho Công ty hoặc ủy quyền cho Cán Bộ Quản lý khác để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động (Ngoại trừ: những chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị quy định tại điểm j Điều 26 Điều lệ này, những chức danh thuộc

thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại điểm g khoản 2 Điều 27 Điều lệ này);

- f. Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
 - g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - i. Lập Kế hoạch kinh doanh 3 – 5 năm, hàng năm và hàng quý, và hàng tháng của Công ty. Bản kế hoạch kinh doanh hàng năm phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty. Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành Công ty tổ chức thực hiện theo Bản Kế hoạch kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
 - b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
- Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - b. Vi phạm Pháp Luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 33. Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ

nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật về quản trị Công ty đại chúng;
- b. Đảm bảo việc tuân thủ các thủ tục quản trị;
- c. Quản lý khung quản trị Công ty;
- d. Giám sát, tiến hành các buổi giới thiệu cho các thành viên mới của Hội đồng quản trị về các trách nhiệm, quyền hạn, quyền và nghĩa vụ khác của thành viên Hội đồng quản trị; Điều Lệ, Quy chế Điều hành, và các quy định khác mà thành viên Hội đồng quản trị cần phải biết trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình;
- đ. Trao đổi thông tin với và giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán Bộ Quản lý, Cổ đông;
- e. Quản lý quan hệ cổ đông; và
- f. Đảm bảo triết lý và các quy tắc ứng xử của Công ty được thực thi.

2. Các vai trò đã đề cập ở Khoản 1 nói trên được thể hiện thông qua những nhiệm vụ cụ thể như sau:

- a. Soát xét định kỳ, cung cấp ý kiến tư vấn cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị để đảm bảo khung, quy chế, thủ tục tuân thủ quy định pháp luật và thực hành quản trị;
- b. Đóng góp vào việc trao đổi thông tin giữa Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và các bên liên quan của Hội đồng quản trị, bao gồm Cổ Đông; Chuẩn bị các nội dung và thông tin cần thiết cho việc Hội đồng quản trị ra quyết định;
- đ. Ghi nhận và bảo quản toàn bộ sự ủy quyền, đặc biệt là các nội dung của Quy Chế Quản Trị Công ty;
- e. Chuẩn bị kế hoạch, lịch, và các nội dung liên quan (bao gồm tài liệu, biên bản) của các cuộc họp Hội đồng quản trị và các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
- f. Quản lý các thông tin về cấu trúc quản trị, năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm của các thành viên Hội đồng quản trị, các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
- g. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, các tiểu ban và các thành viên Hội đồng quản trị;
- h. Ghi nhận và đề xuất những khóa đào tạo cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị;
- i. Các công việc liên quan khác được giao.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên

hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán Bộ Quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% trở lên được quyền đề cử đủ số ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Áp dụng;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán Bộ Quản lý khác;

c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

d. Không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

e. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

6. Kiểm soát viên không còn tư cách Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;

b. Từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;

c. Bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó bị hạn chế năng lực hành vi; d. Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;

b. Thảo luận với Kiểm toán viên về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;

đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà Kiểm toán viên muốn bàn bạc;

e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty;

g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán Bộ Quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Mức thù lao của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán Bộ Quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán Bộ Quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán Bộ Quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán Bộ Quản lý khác và những Người Có Liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán Bộ Quản lý khác hoặc những Người Có Liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán Bộ Quản lý khác hoặc những Người Có Liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Cán Bộ Quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Cán Bộ Quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông

của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các Cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán Bộ Quản lý khác và những Người Có Liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán Bộ Quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Cán Bộ Quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Cán Bộ Quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Cán Bộ Quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê Luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách Cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán Bộ Quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 40. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Cán Bộ Quản lý.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định của Luật Áp dụng.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại Cổ phần.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các Cổ phiếu niêm yết tại Sở giao

dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Luật Áp dụng.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của Cơ quan có Thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Luật Áp dụng.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo

tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Cơ quan thuế có Thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong Năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của Kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Luật Chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho Năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Kiểm toán viên sau khi kết thúc Năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành của Pháp luật.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 48. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế Điều hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của Luật Áp dụng.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo Luật Áp dụng.

Điều 50. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập ban thanh lý ("**Ban thanh lý**") gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay Cán Bộ Quản lý cao cấp.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng sáu mươi (60) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu trưng chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền để giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Luật Áp dụng có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Luật Áp dụng khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Luật Áp dụng đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 53. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 53 Điều được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 09 tháng 06 năm 2015 tại trụ sở Công ty, được sửa đổi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 07 tháng 06 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản tiếng Việt và mười (10) bản tiếng Anh, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
 5. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh của Điều lệ này, bản tiếng Việt sẽ được dùng để giải thích Điều lệ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN MẠNH HÙNG

Phụ lục 1 – Cổ đông Sáng lập

Cho đến ngày 21 tháng 5 năm 2019

STT	Tên	Giới tính	Địa chỉ	CMND	Số Cổ phần	Phần trăm quyền sở hữu
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, Nghệ An	182134923	8,827,500	24.32%
2	Phan Thị Minh Châu	Nữ	Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Nghệ An	181959166	1,800,700	4.96%
3	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, Nghệ An	186944231	88,000	0.24%

Phụ lục 2 – Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại

I. Giải thích Thuật ngữ

Trong Phụ lục 2 này, các từ và cụm từ được hiểu như sau:

"**Khoản Thanh toán Thực tế Hàng năm**" có nghĩa được quy định tại Mục 5.2(a)(vi) của Phụ lục 2 này;

"**Phí Thảm định Hàng năm**" nghĩa là phí thảm định hàng năm mà Công ty phải trả cho theo một Thỏa thuận Phí Thảm định Hàng năm;

"**Thỏa thuận Phí Thảm định Hàng năm**" nghĩa là thỏa thuận phí thảm định hàng năm giữa Công ty và một Người đăng ký Mua theo đó Công ty sẽ trả cho Người đăng ký Mua Phí Thảm định Hàng năm;

"**Phê duyệt**" nghĩa là sự đồng ý, đăng ký, nộp hồ sơ, thông báo, báo cáo, thỏa thuận, công chứng, giấy chứng nhận, giấy phép, phê duyệt, cho phép, phê chuẩn hoặc miễn trừ từ, bởi hoặc với bất kỳ Cơ quan có Thẩm quyền nào, dù được đưa ra bằng hành động cụ thể hoặc xem như được đưa ra thông qua việc không hành động trong bất kỳ khoảng thời gian xác định nào và mọi sự phê chuẩn hay chấp thuận của nội bộ công ty, các chủ nợ và cổ đông;

"**Giá Mua lại**" nghĩa là giá tiền tính bằng VNĐ trên mỗi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại bằng với kết quả của số tiền để đạt được IRR mười lăm phần trăm (15%) trên Số tiền Mua Cổ phần chia cho số lượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đang lưu hành;

"**Thay đổi quyền Kiểm soát**" nghĩa là, vào bất kỳ thời điểm nào khi một Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đang lưu hành:

- i. các Cổ đông Chính, vào bất kỳ thời điểm nào và vì bất kỳ lý do gì, không còn nắm giữ và kiểm soát tổng cộng ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) cả quyền lợi kinh tế cũng như quyền biểu quyết trong vốn cổ phần của Công ty (được xác định trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn); hoặc
- ii. bất kỳ Người hoặc nhóm Người nào, trừ Người tài trợ, có được quyền hạn (dù thực hiện hay không thực hiện) bầu chọn đa số Hội đồng Quản trị của Công ty; hoặc
- iii. không có sự đồng ý của Người đăng ký Mua, đa số Hội đồng Quản trị của Công ty tại ngày của Điều lệ này không còn là thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc
- iv. không giới hạn đoạn (i), bất kỳ Cổ đông Chính nào (trừ Người tài trợ) không thực hiện các quyền của mình hoặc bỏ phiếu biểu quyết của mình về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Công ty theo cùng cách thức như Người tài trợ; hoặc
- v. một sự "thay đổi quyền kiểm soát" hay sự kiện tương tự xảy ra như được quy định trong bất kỳ văn bản nào khác về khoản vay hoặc cổ phần ưu đãi liên quan đến Công ty;

"**Tỷ lệ Tăng trưởng Hàng năm Kép**", trong một khoảng thời gian, nghĩa là tỷ suất hoàn vốn được tính bằng công thức sau:

$$CAGR = [(EB/BB)^{(1/n)}] - 1$$

trong đó:

CAGR là Tỷ lệ Tăng trưởng Hàng năm Kép;

EB là lợi nhuận sau thuế của Công ty vào cuối khoảng thời gian đó;

BB là lợi nhuận sau thuế của Công ty vào đầu khoảng thời gian đó; và

n là độ dài của khoảng thời gian đó, tính bằng năm;

"**Hợp nhất**" hoặc "**Cơ sở Hợp nhất**" nghĩa là (liên quan đến mọi báo cáo tài chính sẽ được cung cấp, hoặc bất kỳ tính toán tài chính nào sẽ được thực hiện, theo hoặc cho mục đích của Điều lệ này và bất kỳ Tài liệu Giao dịch nào khác) phương pháp được đề cập tại Mục 1.02(c) của Hợp đồng Mua Cổ phần; và các đơn vị có báo cáo kế toán được hợp nhất với báo cáo kế toán của Công ty là tất cả các Công ty con của Công ty;

"**Chuyển đổi**" nghĩa là chuyển đổi toàn bộ hay một số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại thành Cổ phần Phổ thông theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần như được quy định tại Mục 5 của Phụ lục 2 này, và "**Chuyển đổi**" và "**được Chuyển đổi**" sẽ được hiểu tương ứng;

"**Thông báo Chuyển đổi**" nghĩa là từng thông báo, về cơ bản theo mẫu được quy định trong Phụ lục 8 của Hợp đồng Mua Cổ phần, do Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại gửi cho Công ty căn cứ Mục 4.1 trong Phụ lục 2 này theo các yêu cầu của Mục 4.2 trong Phụ lục 2 này;

"**Quyền chọn Chuyển đổi**" nghĩa là quyền của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đối với việc Chuyển đổi;

"**Thời hạn Chuyển đổi**" nghĩa là khoảng thời gian bắt đầu vào ngày sau hai (2) năm kể từ ngày của Hợp đồng Mua Cổ phần, và chấm dứt vào ngày sau bảy (7) năm kể từ ngày của Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần**" nghĩa là giá mỗi Cổ Phần Chuyển đổi bằng VND, bằng với:

$$(A-B-C)/D$$

Trong đó:

A bằng tám (8) lần EBITDA của Công ty trong thời gian 12 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2019;

B là Nợ Thuần vào ngày 30 tháng 9 năm 2019;

C là Quyền sở hữu Thiếu số vào ngày 30 tháng 9 năm 2019;

với điều kiện tích số của (A-B-C) ở mức trần 561 tỷ VND;

D là số lượng Cổ phần Phổ thông của Công ty đang lưu hành vào Ngày Mua Cổ phần trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn,

và đã được Kiểm toán viên hoặc một kiểm toán viên độc lập khác xác nhận, trong từng trường hợp được Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại chấp nhận. Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh theo Mục 5.2 trong Phụ lục 2 này;

"**Tỷ lệ Chuyển đổi**" nghĩa là tỷ lệ có được bằng cách lấy Giá Mua Cổ phần chia cho Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần áp dụng vào thời điểm đó;

"**Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi**" có nghĩa được quy định tại Mục 4.2(b) trong Phụ lục 2 này;

"**Cổ phần Chuyển đổi**" nghĩa là Cổ phần Phổ thông đã được thanh toán đủ được phát hành, hoặc sẽ được phát hành, cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại khi Chuyển đổi căn cứ theo Thông báo Chuyển đổi;

"**Ngày Giải quyết Chuyển đổi**" nghĩa là ngày nêu cụ thể trong Thông báo Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại nêu cụ thể trong Thông báo Chuyển đổi được Chuyển đổi thành Cổ phần Chuyển đổi theo Điều lệ này là ngày cách ít nhất 30 Ngày Làm việc sau khi gửi Thông báo Chuyển đổi liên quan hoặc ngày khác đã được thỏa thuận giữa Công ty và Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại;

"**Khoản phân chia**" nghĩa là: (a) việc chuyển tiền mặt hay tài sản khác mà không phải thanh toán, cho dù bằng cổ tức hay cách thức khác, do Công ty hoặc một Công ty con của Công ty phân chia liên quan đến bất kỳ loại Chứng khoán Vốn nào; hoặc (b) việc mua hay mua lại Chứng khoán Vốn bằng tiền mặt hay tài sản, ngoại trừ, đối với Công ty, việc mua lại Chứng khoán Vốn của Công ty đã phát hành cho hay thuộc sở hữu của người lao động, viên chức, giám đốc hoặc bên tư vấn của Công ty hay các Công ty con của Công ty sau khi họ chấm dứt việc làm căn cứ theo kế hoạch cổ phần cho người lao động được Hội đồng Quản trị thông qua;

"**Chứng khoán Vốn**" của một công ty nghĩa là cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi, trái phiếu, khoản vay, chứng quyền, quyền, quyền chọn hoặc các công cụ hay chứng khoán tương tự khác của công ty đó mà có thể chuyển đổi thành hoặc có thể thực hiện hoặc trao đổi lấy, hoặc có quyền đăng ký mua hoặc mua cổ phần hay chứng khoán khác của công ty đó hoặc bất kỳ công cụ hay chứng chỉ nào thể hiện lợi ích sở hữu

thụ hưởng trong cổ phần hoặc chứng khoán khác của công ty đó, bao gồm cả chứng chỉ lưu ký toàn cầu và chứng chỉ lưu ký Mỹ và bất kỳ chứng khoán nào khác do công ty đó phát hành, ngay cả khi không thể chuyển đổi thành cổ phần, mà thu được giá trị và/hoặc lợi nhuận căn cứ vào hiệu quả tái chính của công ty đó hoặc cổ phần của công ty đó;

"**Sự kiện Vi phạm**" có nghĩa được quy định trong Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Nợ Tài chính**" đối với một Người nghĩa là:

- i. bất kỳ khoản nợ nào của Người đó đối với hoặc liên quan đến tiền vay;
- ii. số tiền gốc chưa thanh toán của các trái phiếu, kỳ phiếu nhận nợ, chứng chỉ, cổ phiếu vay nợ, thương phiếu, thư tín dụng chấp nhận, hối phiếu hay lệnh phiếu đã được ký phát, chấp nhận, ký hậu hoặc phát hành bởi Người đó;
- iii. bất kỳ khoản nợ nào của Người đó đối với hoặc liên quan đến giá mua trả chậm của tài sản hoặc dịch vụ (trừ các khoản thương mại phát sinh và phải trả trong quá trình kinh doanh thông thường cho bên bán/nhà cung cấp của Người đó trong vòng 90 ngày kể từ ngày các khoản đó phát sinh và không quá hạn);
- iv. các nghĩa vụ không phụ thuộc của Người đó trong việc hoàn trả cho bất kỳ Người nào khác các khoản tiền mà Người đó phải trả theo một thư tín dụng hay công cụ tương tự (không bao gồm bất kỳ thư tín dụng hay công cụ tương tự nào được phát hành vì lợi ích của Người đó liên quan đến các khoản thương mại phát sinh và phải trả trong quá trình kinh doanh thông thường cho bên bán/nhà cung cấp của Người đó trong vòng 90 ngày kể từ ngày các khoản đó phát sinh và không quá hạn);
- v. khoản tiền của bất kỳ nghĩa vụ nào của Người đó liên quan đến bất kỳ Hợp đồng Thuê Tài chính nào;
- vi. các khoản tiền được Người đó huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có ảnh hưởng tài chính của một khoản vay và sẽ được phân loại là khoản vay (chứ không phải là một khoản cấp vốn ngoài bảng cân đối kế toán) theo Chuẩn mực Kế toán;
- vii. khoản tiền trong các nghĩa vụ của Người đó theo các giao dịch phải sinh được thực hiện liên quan đến việc bảo vệ đối với hoặc lợi ích từ sự biến động về bất kỳ chỉ số hay giá cả nào (nhưng chỉ là số tiền thuần mà Người đó nợ sau khi quyết toán lãi lỗ do thay đổi giá trị thị trường đối với các giao dịch phải sinh liên quan);
- viii. mọi khoản nợ thuộc các loại được mô tả trong các mục trên được bảo đảm bằng một Quyền cầm giữ đối với bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của Người đó, cho dù khoản nợ đó có phải là khoản nợ của Người đó hay không;
- ix. tất cả các nghĩa vụ của Người đó trong việc thanh toán một giá mua cụ thể cho hàng hóa và dịch vụ, dù đã được giao hoặc được chấp nhận hay không (nghĩa là nhận hoặc thanh toán hoặc các nghĩa vụ tương tự);
- x. nghĩa vụ hay khoản phải trả của Người đó liên quan đến các khoản hay thương phiếu phải thu mà Người đó đã bán, bất kỳ trách nhiệm nào của Người đó theo các giao dịch bán và cho thuê lại mà không tạo ra một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán của Người đó, bất kỳ nghĩa vụ nào theo một "hợp đồng thuê tổng hợp" hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh liên quan đến bất kỳ giao dịch nào khác mà tương đương về chức năng của hoặc thay thế cho việc đi vay nhưng không cấu thành một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán của Người đó;
- xi. khoản tiền của bất kỳ nghĩa vụ nào liên quan đến bất kỳ bảo lãnh hay bồi hoàn nào do Người đó đưa ra đối với bất kỳ mục nào nêu trên mà bất kỳ Người nào khác phải chịu; và
- xii. bất kỳ khoản chênh lệch cao hơn mệnh giá nào mà Người đó phải trả khi có trường hợp mua lại bắt buộc; hoặc
- xiii. việc thay thế bất kỳ mục nào nêu trên;

"**Hợp đồng Thuê Tài chính**" nghĩa là bất kỳ hợp đồng thuê hoặc thuê mua nào mà, theo Chuẩn mực Kế toán, được xem là hợp đồng thuê tài chính hoặc thuê tài sản vốn;

"**Đợt Phát hành Mới**" có nghĩa được quy định tại Mục 5.3(a) trong Phụ lục 2 này;

"**Cổ phần trong Đợt Phát hành Mới**" nghĩa là số lượng bằng với (i) kết quả của (A) số lượng Chứng khoán Mới tối đa mà Công ty sẽ phát hành theo Đợt Phát hành Mới đó và (B) số lượng Cổ phần Phổ thông mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có nếu Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại của mình vào ngày khóa sổ của một Đợt Phát hành Mới liên quan theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần áp dụng khi đó, chia cho (ii) tổng số Cổ phần Phổ thông đang lưu hành của Công ty trước Đợt Phát hành Mới cộng với số lượng Cổ phần Phổ thông mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có nếu Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại của mình vào ngày khóa sổ của một Đợt Phát hành Mới liên quan theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần áp dụng khi đó;

"**Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn**" nghĩa là số lượng Cổ phần Phổ thông của Công ty, được tính như thể tất cả Chứng khoán Vốn đang lưu hành khi đó, mà có thể chuyển đổi thành, hoặc có thể thực hiện hoặc trao đổi lấy Cổ phần Phổ thông của Công ty được chuyển đổi, thực hiện hoặc trao đổi toàn bộ;

"**HSX**" nghĩa là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

"**Thông báo Phát hành**" có nghĩa được quy định tại Mục 5.3(c) trong Phụ lục 2 này;

"**Cổ phần Chuyển đổi đã Phát hành**" có nghĩa được quy định tại Mục 4.2(g) trong Phụ lục 2 này;

"**IRR**" nghĩa là tỷ suất hoàn vốn nội bộ có tỷ lệ phần trăm xác định mỗi năm trên khoản đầu tư của Người đăng ký Mua vào Công ty bằng cách Đăng ký mua Cổ phần Đăng ký Mua được tính từ Ngày Mua Cổ phần, và được cộng gộp hàng năm, có tính đến cả thời gian và số tiền của: (a) Số tiền Mua Cổ phần; (b) Phí Thẩm định Hàng năm; (c) các khoản thanh toán cổ tức mà, trong trường hợp (b) và (c), chỉ khi Người đăng ký Mua thực sự nhận được, nhưng không bao gồm bất kỳ khoản phí nào phải trả theo Tài liệu Giao dịch.

Để tránh nhầm lẫn, IRR sẽ là giá trị đầu ra có được bằng cách sử dụng hàm 'Goal Seek' trong Microsoft Excel, trong đó: (i) các dòng tiền và ngày của dòng tiền nêu trong câu liên trước sẽ là giá trị đầu vào trong bảng tính; và (ii) dòng tiền thuần Người đăng ký Mua thu vào sẽ là giá trị đầu vào dương và dòng tiền chi ra từ Người đăng ký Mua sẽ là giá trị đầu vào âm trong bảng tính;

"**Quyền cầm giữ**" nghĩa là thế chấp, quyền cầm giữ, cầm cố, bảo đảm, chuyển nhượng, thế nợ, biện pháp bảo đảm, ràng buộc, nắm giữ quyền sở hữu, quyền ưu đãi, quyền chọn (bao gồm cả cam kết mua), quyền đòi đòi nghịch, thỏa thuận tín thác, quyền bù trừ, phân tố hoặc quyền cầm giữ, đặc quyền hay quyền ưu tiên của ngân hàng thuộc bất kỳ loại nào có hiệu lực bảo đảm, thỏa ước hạn chế, điều kiện hay hạn chế dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm cả mọi hạn chế về biểu quyết, chuyển nhượng, nhận thu nhập hoặc việc thực hiện khác đối với bất kỳ thuộc tính nào của quyền sở hữu;

"**Kiểm tra Thanh khoản**" nghĩa là việc kiểm tra sẽ do Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại hoặc (những) người đại diện hay (những) người được ủy quyền của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thực hiện ba (3) lần mỗi sáu (6) tháng kể từ Ngày đăng ký Mua cho đến ngày tròn năm thứ 7 của Ngày đăng ký Mua. Công ty được xem là đã vượt qua việc Kiểm tra Thanh khoản nếu tất cả các tiêu chí sau được đáp ứng trong bất cứ ba (3) kỳ 6 tháng liên tiếp nào kết thúc vào hoặc trước ngày tròn năm thứ 7 của Ngày đăng ký Mua:

- i. toàn bộ Chứng khoán Vốn (trừ Cổ phần Phổ thông) do Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại nắm giữ có thể được chuyển đổi, thực hiện hay trao đổi ngay thành Cổ phần Phổ thông và tất cả các Cổ phần Phổ thông do Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại nắm giữ trên cơ sở được chuyển đổi có thể được giao dịch mà không bị hạn chế trên HSX;
- ii. khối lượng giao dịch hàng ngày trung bình (không bao gồm giao dịch trực tiếp hay gián tiếp của bất kỳ Cổ đông Chính nào, Công ty và các Bên liên kết của Công ty và các Cổ đông Chính) của Cổ phần Phổ thông được giao dịch trên HSX trong thời gian 6 tháng liên trước không ít hơn (A) 4 lần tổng số Cổ phần Phổ thông mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có nếu Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại của mình thành Cổ phần Phổ

- thông theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần áp dụng khi đó vào ngày thực hiện Kiểm tra Thanh khoản, chia cho (B) số ngày giao dịch trong thời gian hai (2) tháng liền trước; và
- iii. giá bán hàng ngày bình quân gia quyền mỗi Cổ phần Phổ thông (không bao gồm giao dịch trực tiếp hay gián tiếp của bất kỳ Cổ đông Chính nào, Công ty và các Bên liên kết của Công ty và các Cổ đông Chính) được giao dịch trên HSX trong thời gian 6 tháng liền trước không ít hơn giá mỗi Cổ phần Phổ thông mà sẽ mang lại cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại IRR 20%;

"các Cổ đông Chính" nghĩa là các Cổ đông, ngoại trừ Người đăng ký Mua, là các bên tham gia Thỏa thuận Cổ đông;

"Giá Thị trường mỗi Cổ phần" vào một ngày nghĩa là mức giá bình quân gia quyền của Cổ phần Phổ thông được giao dịch trên HSX (hoặc bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào khác mà Cổ phần Phổ thông khi đó được giao dịch trên đó) trong thời gian 30 ngày giao dịch kết thúc vào ngày ngay trước ngày đó. Nhằm mục đích tính con số này, sẽ không được tính đến bất kỳ giao dịch trực tiếp hay gián tiếp nào của bất kỳ Cổ đông Chính nào, Công ty và các Bên liên kết của Công ty và các Cổ đông Chính;

"Khoản thanh toán Hàng năm Tối thiểu" có nghĩa được quy định tại Mục 5.2(a)(vi) trong Phụ lục 2 này;

"Quyền sở hữu Thiểu số" nghĩa là tổng giá trị của quyền sở hữu thiểu số được nắm giữ bởi những Người không phải là Công ty trong các Công ty con của Công ty có báo cáo kế toán được hợp nhất với báo cáo kế toán của Công ty trên Cơ sở Hợp nhất như được trình bày trong các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty;

"Nợ Thuần" nghĩa là, liên quan đến Công ty vào từng thời điểm, tổng Nợ Tài chính của Công ty trừ đi tổng tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty, trong từng trường hợp, vào ngày cuối cùng của Kỳ Liên quan liền trước thời gian có liên quan, như được nêu trong các báo cáo tài chính thường niên hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho Kỳ Liên quan đó;

"Chứng khoán Mới" nghĩa là Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn khác của Công ty; với điều kiện thuật ngữ "Chứng khoán Mới" không bao gồm:

- i. Cổ phần Phổ thông (hoặc quyền chọn mua Cổ phần Phổ thông) được phát hành hoặc có thể phát hành cho các viên chức, giám đốc và người lao động của, hoặc các bên tư vấn cho, Công ty căn cứ theo một Kế hoạch Cổ phần cho Người lao động được Cho phép;
- ii. Cổ phần hay Chứng khoán Vốn khác của Công ty được phát hành khi thực hiện hoặc chuyển đổi Chứng khoán Vốn của Công ty phát hành trước Ngày Mua Cổ phần;
- iii. Cổ phần hay Chứng khoán Vốn khác của Công ty được phát hành làm cổ tức hoặc khoản phân chia trên bất kỳ Cổ phần ưu đãi nào của Công ty; và
- iv. Cổ phần Phổ thông phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại khi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thực hiện quyền đăng ký mua Chứng khoán Mới;

"Ngày Thông báo" có nghĩa được quy định tại Mục 5.3(c) trong Phụ lục 2 này;

"Đề nghị" có nghĩa được quy định tại Mục 5.2(a)(v) trong Phụ lục 2 này;

"Kế hoạch Cổ phần cho Người lao động được Cho phép" nghĩa là một kế hoạch cổ phần cho người lao động của Công ty đáp ứng tất cả các tiêu chí sau:

- i. tổng số Cổ phần được phát hành theo kế hoạch cổ phần cho người lao động đó dựa trên Tỷ lệ Tăng trưởng Hàng năm Kép của Công ty trong giai đoạn từ 2018 đến 2022 như được trình bày trong bảng dưới đây, và tổng số Cổ phần được phát hành hoặc có thể phát hành theo tất cả các kế hoạch cổ phần cho người lao động của Công ty (bao gồm cả Kế hoạch Cổ phần cho Người lao động được Cho phép) sẽ không vượt quá tỷ lệ phần trăm của tổng số Cổ phần Phổ thông của Công ty trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn vào Ngày Mua Cổ phần như được trình bày trong bảng dưới đây;

Tỷ lệ Tăng trưởng Hàng năm Kép của Lợi nhuận Ròng Sau Thuế của Công ty (2018-22)	<25%	>=25%, <45%	>=45%, <65%	>=65%
Tỷ lệ phần trăm tối đa của tổng số Cổ phần Phổ thông được phát hành hoặc có thể phát hành theo tất cả các kế hoạch cổ phần cho người lao động của Công ty (bao gồm cả Kế hoạch Cổ phần cho Người lao động được Cho phép) trên tổng số Cổ phần Phổ thông của Công ty trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn vào Ngày Mua Cổ phần	3%	4.5%	9%	15%

- ii. Cổ phần Phổ thông có thể phát hành theo kế hoạch cổ phần cho người lao động đó phải tuân thủ thời gian chuyển quyền ba (3) năm; và
- iii. giá mỗi Cổ phần Phổ thông của các Cổ phần Phổ thông được phát hành theo kế hoạch cổ phần cho người lao động đó không được thấp hơn mức nào cao hơn trong các mức sau: (i) 80% Giá Thị trường mỗi Cổ phần vào ngày ngay sau ngày phát hành Cổ phần đó, (ii) Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần áp dụng vào ngày phát hành Cổ phần đó nhân với X, trong đó X là (A) không (0) đối với một đợt phát hành tối đa 3% Cổ phần đang lưu hành vào bất kỳ thời điểm nào; (B) một (1) đối với các đợt phát hành bổ sung (vượt quá 3% đó) diễn ra vào và trước ngày 31 tháng 12 năm 2019; (C) 1,15 đối với các đợt phát hành bổ sung (vượt quá 3% đó) diễn ra từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, (D) 1,35 đối với các đợt phát hành bổ sung (vượt quá 3% đó) diễn ra từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021; và (E) 1,5 đối với các đợt phát hành bổ sung diễn ra sau ngày 1 tháng 1 năm 2022.

"Người" nghĩa là bất kỳ cá nhân, tập đoàn, công ty, công ty hợp danh, hãng, hiệp hội tự nguyện, liên doanh, quỹ tín thác, tổ chức không có tư cách pháp nhân, Cơ quan có Thẩm quyền hoặc bất kỳ đơn vị nào khác cho dù hành động với tư cách cá nhân, tín thác hoặc tư cách khác;

"Sự kiện Vi phạm Tiềm tàng" nghĩa là bất kỳ sự kiện hay tình huống nào mà với thông báo, thời gian trôi qua, đưa ra quyết định hoặc bất kỳ sự kết hợp nào của những yếu tố trên, sẽ trở thành một Sự kiện Vi phạm;

"Giá Mua lại" nghĩa là số tiền trên mỗi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại bằng VND bằng với (i) số tiền mang lại cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại IRR mười lăm phần trăm (15%) trên Số tiền Mua Cổ phần, khi (ii) chia cho số lượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đang lưu hành;

"Kỳ Liên quan" nghĩa là mỗi kỳ mười hai (12) tháng kết thúc vào ngày cuối cùng trong Năm Tài chính của Công ty;

"Khoản Thanh toán Hạn chế" liên quan đến bất kỳ Người nào nghĩa là (i) công bố hoặc thanh toán cổ tức, phân chia hoặc trả lại vốn cổ phần cho các cổ đông, đối tác hoặc thành viên của Người đó hoặc chấp thuận hoặc thực hiện bất kỳ việc phân chia, thanh toán hoặc giao tài sản nào khác (không phải là cổ phần phổ thông của Người đó) hoặc tiền cho các cổ đông, đối tác hoặc thành viên của Người đó trong tư cách của họ, hoặc (ii) mua lại, thu hồi, mua hoặc mua lại khác, hoặc cho phép bất kỳ Công ty con nào mua lại, thu hồi, mua hoặc mua lại khác, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ loại cổ phần nào trong vốn cổ phần của mình đang lưu hành vào hoặc sau ngày Hợp đồng Mua Cổ phần (hoặc bất kỳ quyền chọn hoặc chứng quyền nào được phát hành bởi Người đó liên quan đến vốn cổ phần của mình), hoặc dành bất kỳ khoản tiền nào cho bất kỳ mục đích nào nêu trên, hoặc (iii) thực hiện bất kỳ thanh toán nào dưới bất kỳ hình thức nào đối với hoặc liên quan đến Nợ Tài chính thứ cấp được nắm giữ bởi bất kỳ Bên liên kết nào của Người đó. Không giới hạn những điều đã nêu trên, Thanh toán Hạn chế, đối với bất kỳ Người nào cũng sẽ bao gồm tất cả các khoản thanh toán mà Người đó thực hiện hoặc buộc phải thực hiện liên quan đến bất kỳ quyền năng giá trị cổ phần nào, kế hoạch, ưu đãi vốn cổ phần hoặc kế hoạch chi tiêu hoặc bất kỳ kế hoạch tương tự nào hoặc dành bất kỳ khoản tiền nào cho các mục đích nêu trên;

"**Thỏa thuận Cổ đông**" nghĩa là Thỏa Thuận Cổ Đông giữa Người đăng ký Mua, Người tài trợ và các Cổ đông Chính;

"**Cổ phần Chuyển đổi Thiếu hụt**" có ý nghĩa được quy định tại Mục 4.2(g) trong Phụ lục 2 này;

"**Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt**", liên quan đến một Năm Tài chính, là Khoản Thanh toán Hạn chế hoặc một loạt các Khoản Thanh toán Hạn chế, mà tổng giá trị danh nghĩa mỗi Cổ phần liên quan cao hơn kết quả của (A) khoản thanh toán Phi Thâm định Hàng năm thường niên cho Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại, chia cho (B) số lượng Cổ phần Phổ thông mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có nếu Cổ đông đó dự kiến Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại của mình vào ngày khóa sổ đối với Khoản Thanh toán Hạn chế hoặc, nếu không có ngày khóa sổ như vậy, vào ngày thực hiện Khoản Thanh toán Hạn chế, theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần được áp dụng vào thời điểm đó;

"**Sự kiện Mua lại Đặc biệt**" có nghĩa được quy định tại Mục 6.1 trong Phụ lục 2 này;

"**Giá Mua lại Đặc biệt**" nghĩa là giá bằng VNĐ của mỗi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại bằng số tiền nào cao hơn sau đây:

- i. Giá Thị trường mỗi Cổ phần vào ngày xảy ra Sự kiện Mua lại Đặc biệt liên quan, nhân với số lượng Cổ phần Phổ thông mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có nếu Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại của mình thành Cổ phần Phổ thông theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ Phần áp dụng vào ngày xảy ra Sự kiện Mua lại Đặc biệt; và
- ii. số tiền bằng với khoản tiền để Người đăng ký Mua nhận được IRR mười bảy phần trăm (17%) trên Số tiền Mua Cổ phần, chia cho số lượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đang lưu hành;

"**Người tài trợ**" nghĩa là ông Nguyen Manh Hung, một cá nhân người Việt Nam, có chứng minh nhân dân số 182134923 do Công an Tỉnh Nghệ An cấp ngày 19 tháng 9 năm 2007;

"**Người đăng ký Mua**" nghĩa là một Người đăng ký mua một số lượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại nhất định trong Công ty theo một Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Số tiền Mua Cổ phần**" nghĩa là tổng Giá Mua Cổ phần đối với tất cả các Cổ phần Đăng ký Mua;

"**Ngày Mua Cổ phần**" nghĩa là ngày Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được phát hành và mua theo một Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Thông báo Mua Cổ phần**" có nghĩa được quy định tại Mục 5.3(c) trong Phụ lục 2 này;

"**Giá Mua Cổ phần**" nghĩa là giá một Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được đăng ký mua theo một Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Cổ phần Đăng ký Mua**" nghĩa là Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được đăng ký mua theo một Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Hợp đồng Mua Cổ phần**" nghĩa là hợp đồng mua cổ phần giữa Công ty và một Người đăng ký Mua, theo đó Người đăng ký Mua đăng ký mua, và Công ty phát hành, một số lượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại nhất định trong Công ty như được nêu trong đó;

"**Tài liệu Giao dịch**" có nghĩa được quy định trong Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Chuyển nhượng**" nghĩa là chuyển giao, bán, chuyển lại, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, xác lập biện pháp bảo đảm trong hoặc Quyền cầm giữ đối với, ủy thác (việc biểu quyết hoặc điều gì khác), chuyển nhượng theo quy định pháp luật hoặc theo bất kỳ cách nào khác phải chịu bất kỳ ràng buộc nào hoặc định đoạt, tự nguyện hay không tự nguyện, và "**thực hiện Chuyển nhượng**" và "**được Chuyển nhượng**" có ý nghĩa tương ứng;

"**Thông báo Chuyển nhượng**" có nghĩa được quy định trong Thỏa thuận Cổ đông; và

"Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chưa chuyển đổi" có nghĩa được quy định tại Mục 4.2(f) trong Phụ lục 2 này.

II. Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại

Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại được quy định tại Phụ lục 2 này.

1. Khả năng Chuyển nhượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại

Phụ thuộc vào quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu có), Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được tự do chuyển nhượng.

2. Cổ tức và Các Khoản phân chia

Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có quyền nhận cổ tức và các khoản phân chia của Công ty theo cùng tỷ lệ như Cổ đông Phổ thông, với điều kiện là Công ty thực hiện thanh toán cổ tức hoặc khoản phân chia cho từng Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại trước khi thanh toán cổ tức cho bất kỳ Cổ đông Phổ thông nào.

3. Ưu đãi Thanh lý

Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có quyền hưởng thanh toán ưu đãi thanh lý, tại thời điểm và với số tiền quy định cụ thể tại Điều VII của Hợp đồng Mua Cổ phần

4. Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại

4.1 Quyền chọn Chuyển đổi

- a. Phụ thuộc vào quy định của Điều lệ này và Hợp đồng Mua Cổ phần, mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại tại bất kỳ thời điểm nào và vào từng thời điểm (i) trong Thời hạn Chuyển đổi, hoặc (ii) sau khi gửi Thông báo Chuyển nhượng, sẽ có quyền chuyển đổi toàn bộ hoặc bất kỳ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại sang Cổ phần Phổ thông theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần, mà Cổ phần Phổ thông, khi được phát hành và giao theo cách thức được dự liệu theo Điều lệ:
 - i. sẽ được phát hành một cách hợp lệ và có giá trị pháp lý, được thanh toán đầy đủ và không phải góp thêm;
 - ii. được xếp ngang hàng và có cùng các quyền và đặc quyền về mọi mặt như Cổ phần Phổ thông khác của Công ty và được hưởng mọi khoản cổ tức và phân chia khác được công bố, trả hoặc thanh toán; và
 - iii. sẽ được tự do chuyển nhượng và không bị phụ thuộc vào bất kỳ Quyền cầm giữ, bảo đảm hoặc ràng buộc hoặc quyền khác (kể cả quyền ưu tiên mua trước) của bên thứ ba và Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại không bị yêu cầu góp thêm vốn hoặc thực hiện bất kỳ thanh toán nào để chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại.

- b. Nếu số Cổ phần Phổ thông được phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại theo Chuyển đổi đáng ra bao gồm cả phần lẻ của Cổ phần Phổ thông, thì số Cổ phần Phổ thông được phát hành sẽ được làm tròn tăng tới số nguyên gần nhất của Cổ phần Phổ thông.
- c. Cho dù có Mục 4.1(a) trên, nếu (a) Công ty không thanh toán đầy đủ đối với một Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đã được yêu cầu hoàn lại vào ngày ấn định hoàn lại; hoặc (b) bất kỳ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại nào không được hoàn lại theo Điều lệ này hoặc Hợp đồng Mua Cổ phần, thì Quyền chọn Chuyển đổi sẽ tái tục và/hoặc tiếp tục được thực hiện cho tới, và bao gồm cả, ngày Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có liên quan nhận được hợp lệ đủ số tiền phải trả đối với Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đó và, cho dù có quy định của Mục 4.1(a) trên, số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại sẽ được chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi đã được gửi trước ngày nhận đủ số tiền nêu trên sẽ vẫn được chuyển đổi vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi có liên quan cho dù Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đã nhận được đủ số tiền phải trả đối với Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại trước Ngày Giải quyết Chuyển đổi đó hoặc Thời hạn Chuyển đổi có thể đã kết thúc trước Ngày Giải quyết Chuyển đổi đó.

4.2 Thông báo Chuyển đổi

- a. Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại được toàn quyền thực hiện Quyền chọn Chuyển đổi vào bất kỳ thời điểm nào theo Mục 4.1(a) trên sau khi gửi Thông báo Chuyển đổi cho Công ty, như quy định dưới đây. Để tránh nhầm lẫn, việc một Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại gửi Thông báo Chuyển đổi cho Công ty sẽ cho phép Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đó được Chuyển đổi Số lượng Chuyển đổi nêu trong Thông báo Chuyển đổi cho dù Ngày Giải quyết Chuyển đổi xảy ra sau khi kết thúc Thời hạn Chuyển đổi.
- b. Mỗi Thông báo Chuyển đổi được Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại gửi theo Điều lệ này sẽ quy định cụ thể:
 - i. số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được chuyển đổi sang Cổ phần Chuyển đổi ("**Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi**");
 - ii. Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần;
 - iii. Tỷ lệ Chuyển đổi;
 - iv. tính toán điều chỉnh Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần theo Điều 5.2 dưới đây;
 - v. số Cổ phần Chuyển đổi được phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại dựa trên Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần;
 - vi. cổ phần theo tỷ lệ phần trăm trong Công ty được đại diện theo số Cổ phần Chuyển đổi nêu tại Mục 4.2(b)(v);
 - vii. tên Cổ phần Chuyển đổi đó được đăng ký trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty hoặc sổ sách hoặc hồ sơ khác chứng minh quyền sở hữu Cổ phần Chuyển đổi do Công ty phát hành, và tài khoản chứng khoán/tài khoản lưu ký của Người sẽ được ghi nhận là chủ sở hữu Cổ phần Chuyển đổi;
 - viii. số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại còn lại sau khi Chuyển đổi;
 - ix. số tiền phải trả cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi đối với việc Chuyển đổi là đối tượng theo Thông báo Chuyển đổi, bao gồm:

- A. toàn bộ cổ tức đã công bố nhưng chưa trả đối với Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được Chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi, và Phí Thẩm định Hàng năm phát sinh nhưng chưa trả cho tới Ngày Giải quyết Chuyển đổi; và
 - B. số tiền phí và các khoản tiền khác mà Công ty phải trả theo Hợp đồng Mua Cổ phần đối với việc Chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi;
- x. Ngày Giải quyết Chuyển đổi; và
 - xi. ngày Thông báo Chuyển đổi.

Thông báo Chuyển đổi phải đính kèm bản sao Thông báo Chuyển nhượng nếu việc gửi Thông báo Chuyển nhượng làm phát sinh việc Chuyển đổi theo Thỏa thuận Cổ đông.

- c. Thông tin được Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại nêu cụ thể trong Thông báo Chuyển đổi sẽ là cuối cùng và có tính quyết định và ràng buộc Công ty trừ khi Công ty chứng minh thỏa đáng với Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại rằng thông tin đó có lỗi rõ ràng.
- d. Tại bất kỳ thời điểm nào trong Thời hạn Chuyển đổi, Công ty sẽ nhanh chóng cung cấp cho mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại mọi thông tin theo yêu cầu hợp lý của (các) Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại liên quan đến Công ty, các Công ty Con của Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty và của các công ty con đó để Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có thể tiến hành rà soát tổng thể về việc xem xét Chuyển đổi, và Công ty sẽ cho phép mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại tiếp cận các cơ sở và nhân viên của Công ty theo đề nghị hợp lý của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại cho mục đích đó.
- e. Ngay sau khi nhận được Thông báo Chuyển đổi, Công ty sẽ thực hiện mọi hành động cần thiết để bảo đảm rằng Cổ phần Chuyển đổi sẽ được phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có liên quan hoặc người được chỉ định của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đó vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi.
- f. Nếu Tỷ lệ Chuyển đổi nhỏ hơn 1,0, và nếu Luật Áp Dụng có yêu cầu để thực hiện việc Chuyển đổi có hiệu lực, Công ty sẽ chuyển đổi số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại ("**Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Có thể Chuyển đổi**") bằng số Cổ phần Chuyển đổi nếu số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi nêu trong Thông báo Chuyển đổi được Chuyển đổi thành Cổ phần Chuyển đổi theo Tỷ lệ Chuyển đổi (sao cho tỷ lệ chuyển đổi thực tế sẽ là 1,0). Sau Ngày Giải quyết Chuyển đổi (và với điều kiện là việc Chuyển đổi được hoàn tất đáp ứng yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại):
 - i. Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ trao cho Công ty quyền chọn mua lại số chênh lệch giữa Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi và Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Có thể Chuyển đổi ("**Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chưa chuyển đổi**") với khoản thanh toán bằng không; và
 - ii. cho tới khi Công ty mua lại Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chưa chuyển đổi theo Điều 4.2(f)(i) trên, Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có liên quan sẽ từ bỏ các quyền của mình liên quan đến Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chưa chuyển đổi đó.
- g. Nếu Tỷ lệ Chuyển đổi lớn hơn 1,0, Công ty sẽ phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại số lượng tối đa Cổ phần Chuyển đổi mà Công ty được phép phát hành theo Luật Áp dụng ("**Cổ phần Chuyển đổi đã Phát hành**"), bằng việc sử dụng toàn bộ khoản tiền có sẵn của Công ty. Trong trường hợp số Cổ phần Chuyển đổi nêu trong Thông báo Chuyển đổi lớn hơn Cổ phần Chuyển đổi đã Phát hành (số chênh lệch là "**Cổ phần Chuyển đổi Thiếu hụt**"), Công ty sẽ thanh toán bằng tiền cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại số tiền bằng với số tiền lớn hơn của (i) Giá Thị trường mỗi Cổ phần vào ngày Thông báo Chuyển đổi nhân với số Cổ phần Chuyển đổi Thiếu hụt; hoặc

(ii) số tiền đem lại cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại IRR bằng 17% của phần Số tiền Mua Cổ phần tương ứng với Cổ phần Chuyển đổi Thiếu hụt, số tiền này là tích của Số tiền Mua Cổ phần nhân với phân số trong đó tử số là số Cổ phần Chuyển đổi Thiếu hụt và mẫu số là số Cổ Phần Phổ thông có thể được chuyển đổi từ toàn bộ Số tiền Mua Cổ phần theo Giá Chuyển đổi quy định cụ thể trong Thông báo Chuyển đổi.

4.3 Ngày Giải quyết Chuyển đổi

- a. Ngay sau khi nhận được Thông báo Chuyển đổi, Công ty sẽ bảo đảm hoàn thành mọi thủ tục, và yêu cầu cần thiết hoặc được yêu cầu (bao gồm các chấp thuận, và thông báo cho Cổ Đông của Công ty, HSX, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam và/hoặc các cơ quan quản lý có liên quan) cho mục đích Chuyển đổi vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi và niêm yết Cổ phần Chuyển đổi trên HSX bao gồm, nhưng không giới hạn, (A) thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam về ý định chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại, (B) chấp thuận của HSX cho niêm yết Cổ phần Chuyển đổi, và (C) đăng ký Cổ phần Chuyển đổi với Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.
- b. Vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi, Công ty sẽ:
 - i. giao cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại bản sao toàn bộ Phê duyệt và các từ bỏ cần thiết đối với việc Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại có liên quan;
 - ii. phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Cổ phần Chuyển đổi, không bị phụ thuộc vào bất kỳ Quyền cầm giữ, bảo đảm hoặc ràng buộc khác hoặc quyền của bên thứ ba;
 - iii. cung cấp cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại bằng chứng thỏa mãn yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại rằng:
 - A. Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty đã chấp thuận tăng vốn điều lệ Công ty (nếu Tỷ lệ Chuyển đổi lớn hơn 1,0), phát hành Cổ phần Chuyển đổi cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại và sửa đổi Điều lệ Công ty để tuân thủ Luật Doanh nghiệp;
 - B. Cổ phần Chuyển đổi có liên quan đã được cho phép phát hành và được phát hành một cách hợp lệ và có giá trị pháp lý, và, sau khi phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại hoặc người được chỉ định của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại theo yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại, được mua, thanh toán đầy đủ và không phải góp thêm mà không cần bất kỳ Phê duyệt của bất kỳ Cơ quan có Thẩm quyền mà chưa xin được hợp lệ và kịp thời, và rằng mọi yêu cầu pháp lý khác liên quan đến Phê duyệt của cơ quan đó, việc ban hành và giao đã được thực hiện hợp lệ và toàn bộ Phê duyệt còn hiệu lực;
 - C. Cổ phần Chuyển đổi được đăng ký, lưu ký cho và đăng ký đứng tên tổ chức lưu ký để ghi có vào tài khoản chứng khoán được chỉ định cho mục đích này trong Thông báo Chuyển đổi;
 - D. Cổ phần Chuyển đổi có liên quan được xếp *ngang hàng* với tất cả Cổ phần Phổ thông hiện hữu trong Công ty với tất cả các quyền quy định cụ thể trong Điều lệ này; và

E. Điều lệ này đã được sửa đổi để tuân thủ Luật Doanh nghiệp (nếu áp dụng);

iv. thanh toán cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại bằng VND:

- A. mọi khoản cổ tức đã công bố nhưng chưa trả đối với Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được Chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi, và Phí Thâm định Hàng năm phát sinh nhưng chưa trả cho tới Ngày Giải quyết Chuyển đổi;
- B. số tiền phí và các khoản tiền khác mà Công ty được yêu cầu trả theo Hợp đồng Mua Cổ phần và Điều lệ này đối với việc Chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi;

v. hoàn trả cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại các khoản phí và lệ phí mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đã chịu cho tới và bao gồm cả Ngày Giải quyết Chuyển đổi liên quan đến việc thực hiện Quyền chọn Chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi;

vi. cung cấp cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại giấy chứng nhận của giám đốc tài chính của Công ty xác nhận các vấn đề nêu tại Mục 4.3(b)(iii) trên; và

vii. nếu có đề nghị, cung cấp cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại ý kiến pháp lý của luật sư tư vấn bên ngoài của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đó hoặc của Công ty vào hoặc trước Ngày Giải quyết Chuyển đổi xác nhận các vấn đề nêu tại Điều 4.3(b)(iii) trên.

c. Chậm nhất vào lúc hết giờ làm việc của Ngày Giải quyết Chuyển đổi, Công ty sẽ phải giao mọi tài liệu, văn bản và bằng chứng mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có thể đề nghị để đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ của mình theo Điều lệ này và Hợp đồng Mua Cổ phần đối với việc Chuyển đổi.

4.4 Chậm trễ hoặc Không Phát hành Cổ phần Chuyển đổi cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại

a. Nếu bất kỳ Phê duyệt của bất kỳ Cơ quan có Thẩm quyền nào đối với việc Chuyển đổi liên quan không xin được đáp ứng yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại liên quan, mà không có bất kỳ điều khoản và điều kiện nào chưa được thỏa mãn hoặc thực hiện, vào hoặc trước Ngày Giải quyết Chuyển đổi, thì, theo quyền quyết định của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại, Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có thể hoãn Ngày Giải quyết Chuyển đổi sang một ngày muộn hơn mà vào ngày đó toàn bộ Phê duyệt đáp ứng yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đã xin được và các điều khoản và điều kiện liên quan đến các Phê duyệt đó đã được thực hiện đầy đủ.

b. Bất kể Mục 4.4(a) trên và không ảnh hưởng đến các quyền khác của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại theo Tài liệu Giao dịch (kể cả theo Mục 6 dưới đây), nếu Công ty, vì bất kỳ lý do gì, không phát hành Cổ phần Chuyển đổi theo quy định tại Mục 4 này hoặc vì các lý do khác không thực hiện các nghĩa vụ khác theo Điều lệ này hoặc Hợp đồng Mua Cổ phần, thì việc không phát hành Cổ phần Chuyển đổi liên quan hoặc không thực hiện các nghĩa vụ khác sẽ cấu thành hành vi vi phạm nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng Mua Cổ phần, và Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có quyền thực hiện bất kỳ và tất cả các quyền hoặc các loại chế tài pháp lý hoặc công bình đối với Công ty có thể phát sinh cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại.

4.5 Cổ phần Chuyển đổi

Công ty sẽ:

a. bảo đảm rằng Cổ phần Chuyển đổi không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ các hạn chế theo quy định của Luật Áp dụng) và rằng toàn bộ quyền của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại

liên quan đến Cổ phần Chuyển đổi có thể được chuyển nhượng cho một bên mua Cổ phần Chuyển đổi; và

- b. trao quyền tiếp cận hợp lý tới các thành viên Hội đồng Quản trị, ban giám đốc và nhân viên và thông tin theo yêu cầu của các bên mua Cổ phần Chuyển đổi tiềm năng và mặt khác tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch bán cổ phần của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại.

4.6 Lệ phí Chứng thư, v.v.

Công ty phải nộp các khoản Thuế và các lệ phí về vốn, chứng thư, phát hành và đăng ký phát sinh khi Chuyển đổi.

5. Bảo vệ Chống lại Pha loãng

5.1 Cấm Xây ra Sự kiện Pha loãng

Trước khi Chuyển đổi toàn bộ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại, trừ khi mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đã đồng ý bằng văn bản, Công ty sẽ không:

- a. thực hiện bất kỳ hành động nội bộ nào có thể làm điều chỉnh hoặc thay đổi mệnh giá, hoặc giá trị, quyền, đặc quyền hoặc ưu đãi của bất kỳ Cổ phần hay Chứng khoán Vốn nào, chẳng hạn thực hiện chia tách hoặc hợp nhất cổ phần hoặc thanh toán cổ tức bằng cổ phần;
- b. cho phép hoặc phát hành Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn được ưu tiên hơn, hoặc xếp hạng cao hơn, Cổ phần Phổ thông;
- c. hủy niêm yết bất kỳ Cổ phần nào trên sở giao dịch chứng khoán; hoặc
- d. thực hiện các hành động khác bằng việc sửa đổi Điều lệ này hoặc thông qua sáp nhập, tổ chức lại, hợp nhất, bán vốn cổ phần hoặc tài sản, hoặc hành động khác mà có thể sửa đổi hoặc thay đổi các điều khoản của Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại hoặc Quyền chọn Chuyển đổi hoặc quyền của mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại theo các điều khoản đó hoặc dẫn đến việc pha loãng lợi ích của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại trong vốn cổ phần của Công ty.

5.2 Điều chỉnh Giá Chuyển đổi

- a. Cho dù có bất kỳ quy định nào khác trong Điều lệ này, Hợp đồng Mua Cổ phần, và các Tài liệu Giao dịch khác, và phụ thuộc Mục 5.1 trên, Công ty và Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại công nhận và đồng ý rằng, khi xảy ra một sự kiện nêu dưới đây, Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh như sau:

- i. ngoại trừ phát hành theo Chương trình Cổ phần cho Người lao động được Cho phép, trong trường hợp phát hành (kể cả phát hành quyền):

A. Cổ phần; hoặc

B. Chứng khoán Vốn khác,

trong mỗi trường hợp, với giá mỗi Cổ phần Phổ thông (trên cơ sở như được chuyển đổi) thấp hơn Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần được áp dụng ngay trước khi phát hành, ngoài quyền của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đối với việc phát hành đó theo Mục 5.3 dưới đây, Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh bằng giá thấp hơn mỗi Cổ phần Phổ thông của Chứng khoán Vốn và/hoặc Cổ phần được phát hành đó. Việc điều chỉnh

theo quy định tại Mục 5.2(a)(i) này sẽ có hiệu lực sau khi phát hành Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn khác đó.

- ii. nếu và bất cứ khi nào Công ty chia nhỏ Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn, bằng cách chia tách cổ phần hoặc bằng cách khác, hoặc kết hợp Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn của Công ty, hoặc phát hành thêm Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn như một cổ tức hoặc một khoản phân chia (ngoại trừ phân chia Chứng khoán Vốn theo Chương trình Cổ phần cho Người lao động được Cho phép), Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh bằng cách nhân Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần được áp dụng ngay trước khi chia, hợp nhất, hoặc phát hành cổ phần với phân số sau:

A/B

trong đó:

A là tổng số Cổ phần Phổ thông trong đợt phát hành ngay trước khi hợp nhất, chia, hoặc phát hành đó, tùy từng trường hợp (trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn); và

B là tổng số Cổ phần Phổ thông trong đợt phát hành ngay sau, và do, việc hợp nhất, chia, hoặc phát hành đó, tùy từng trường hợp (trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn).

Việc điều chỉnh theo quy định tại Mục 5.2(a)(ii) này sẽ có hiệu lực khi hết giờ làm việc của ngày mà việc hợp nhất hoặc chia, tùy từng trường hợp, có hiệu lực hoặc vào ngày khóa sổ đối với cổ tức đó, hoặc trong trường hợp không ấn định ngày khóa sổ, thì sau khi trả cổ tức đó.

- iii. nếu và bất cứ khi nào Công ty phân chia Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt, Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh như sau:

$$A = B \times [(C - D)/C]$$

trong đó:

A là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh;

B là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần ngay trước khi phân chia Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt;

C là Giá Thị trường mỗi Cổ phần vào ngày phân chia Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt; và

D là số tiền danh nghĩa của Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt mỗi Cổ phần.

Việc điều chỉnh theo quy định tại Mục 5.2(a)(iii) này sẽ có hiệu lực khi hết giờ làm việc của ngày khóa sổ cho việc phân chia Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt đó, hoặc trong trường hợp không ấn định ngày khóa sổ, thì sau khi thực hiện phân chia Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt đó.

- iv. nếu và bất cứ khi nào Công ty trao hoặc đề nghị với bất kỳ Người nào (A) quyền đăng ký mua hoặc mua bất kỳ Cổ phần Phổ thông nào dưới Giá Thị trường mỗi Cổ phần; (B) Chứng khoán Vốn khác mà có thể dẫn đến việc đăng ký mua hoặc mua Cổ phần Phổ thông dưới Giá Thị trường mỗi Cổ phần; hoặc (C) thay đổi quyền chuyển đổi, trao đổi hoặc mua Chứng khoán Vốn dẫn đến việc đăng ký mua hoặc mua Cổ phần Phổ thông dưới Giá Thị trường mỗi Cổ phần (trong mỗi trường hợp, Giá Thị trường mỗi Cổ phần

là giá vào ngày Công ty đưa ra đề nghị đó hoặc trao các quyền đó), Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh như sau:

$$A = B \times [C/D]$$

A là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh;

B là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần ngay trước ngày Công ty đưa ra đề nghị đó hoặc trao các quyền đó;

C là số Cổ phần đang lưu hành giả định rằng Cổ phần Phổ thông mới đã được đăng ký mua hoặc mua với Giá Thị trường mỗi Cổ phần vào ngày Công ty đưa ra đề nghị đó hoặc trao các quyền đó;

D là tổng số Cổ phần Phổ thông của Công ty trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn giả định rằng mỗi Người được trao hoặc đề nghị các quyền đó thực hiện đầy đủ các quyền của mình với giá mà Công ty đưa ra hoặc đề nghị.

Việc điều chỉnh theo quy định tại Mục 5.2(a)(iv) này sẽ có hiệu lực khi hết giờ làm việc của ngày Công ty đưa ra đề nghị đó hoặc trao các quyền đó.

- v. nếu và bất cứ khi nào Công ty thực hiện chào mua hoặc trao đổi đề nghị ("**Đề nghị**") để mua lại Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn của Công ty, Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh như sau:

$$A = B \times [(C \times D)/(E+F)]$$

A là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh;

B là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần ngay trước khi hoàn tất Đề nghị;

C là giá bình quân theo khối lượng của Cổ phần Phổ thông giao dịch trên HSX (hoặc các sở giao dịch chứng khoán khác nơi Cổ phần Phổ thông khi đó đang được giao dịch) vào ngày ngay sau khi hoàn tất Đề nghị, hoặc nếu không có giá đó, là giá Cổ phần giao dịch trên HSX (hoặc các sở giao dịch chứng khoán khác nơi Cổ phần khi đó đang được giao dịch) vào ngày tiếp theo có giá đó. Để tính giá này, mọi giao dịch trực tiếp hay gián tiếp bởi các Cổ đông Chính, Công ty và các Bên liên kết của các đối tượng này sẽ không được tính đến;

D là số Cổ phần đang lưu hành của Công ty ngay trước khi hoàn tất Đề nghị;

E là giá trị vốn hóa thị trường của Công ty ngay sau khi hoàn tất Đề nghị; và

F là số tiền mặt được thanh toán theo Đề nghị;

Việc điều chỉnh theo quy định của Mục 5.2(a)(v) này sẽ có hiệu lực khi hết giờ làm việc của ngày hoàn tất Đề nghị.

- vi. nếu, vào bất kỳ Năm Tài Chính nào, số cổ tức và Phí Thảm định Hàng năm trong mỗi trường hợp được thực trả cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại và Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại nhận được ("**Khoản Thanh toán Thực tế Hàng năm**") thấp hơn bảy phần hai

trăm (7,2%) Số tiền Mua Cổ phần ("**Khoản thanh toán Hàng năm Tối thiểu**"), Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh như sau:

$$NCp = SA / \{ \{ SA + \sum [(At - Bt) * (1 + 15\%)^{(N-t)}] \} / C \}$$

Trong đó:

NCp là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh;

SA là Số tiền Mua Cổ phần;

At là Khoản thanh toán Hàng năm Tối thiểu phải trả trong Năm Tài chính t;

Bt là Khoản Thanh toán Thực tế Hàng năm nhận được trong Năm Tài chính t;

t là Năm Tài chính trong khoảng thời gian từ ngày của Hợp đồng Mua Cổ phần đến năm N;

N là Năm Tài Chính tính Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần theo Điều 15.2(b) dưới đây, hoặc năm gửi Thông báo Chuyển đổi (tùy từng trường hợp); và

C là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần ngay trước khi tính Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh.

Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh theo Mục 5.2(a)(vi) này sẽ được tính theo Mục 5.2(c) dưới đây.

- b. Khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào được quy định tại Mục 5.2(a)(i) tới 5.2(a)(v) này, Công ty sẽ tính lại Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần và số Cổ phần Chuyển đổi mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ được nhận sau khi Chuyển đổi và sẽ gửi cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại phê duyệt, chứng chỉ có chữ ký của cán bộ tài chính của Công ty xác nhận các tính toán mới đó cùng với báo cáo ghi rõ những thông tin có liên quan đến sự kiện đó, bao gồm cả bản kê:
 - i. vốn cổ phần ngay trước và sau khi thay đổi; và
 - ii. nếu Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại yêu cầu hợp lý, các thông tin hoặc sự kiện khác có thể liên quan đến Quyền chọn Chuyển đổi.
- c. Ngay trước khi gửi Thông báo Chuyển đổi, đối với Mục 5.2(a)(vi), Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ tính lại Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần và số Cổ phần Chuyển đổi mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ được nhận sau khi Chuyển đổi. Tính toán của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ là cuối cùng và có tính quyết định và ràng buộc Công ty trừ khi Công ty chứng minh thỏa đáng với Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại rằng thông tin đó có lỗi rõ ràng.

5.3 Đợt Phát hành Mới

- a. Trong Thời hạn Chuyển đổi trước khi Chuyển đổi toàn bộ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại, mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có quyền mua Chứng khoán Mới do Công ty phát hành ("**Đợt Phát hành Mới**") theo cách thức quy định dưới đây.
- b. Nếu Công ty dự định thực hiện một Đợt Phát hành Mới (kể cả chào bán cổ phần riêng lẻ và phát hành cho Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu trong Công ty), Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có quyền mua Cổ phần trong Đợt Phát hành Mới của Công ty.
- c. Nếu Công ty dự định thực hiện một Đợt Phát hành Mới, Công ty sẽ gửi văn bản thông báo ý định của mình cho mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại, trong đó mô tả Chứng khoán Mới, giá của Chứng khoán Mới, và điều khoản phát hành chung đối với Chứng khoán Mới, và ghi rõ Cổ phần trong Đợt Phát hành Mới của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đó trong đợt phát hành đó ("**Thông báo Phát hành**"). Công ty cũng sẽ cung cấp cho mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thông tin về việc Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại yêu cầu hợp lý để đánh giá việc Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thực hiện (hay không thực hiện) quyền mua Chứng khoán Mới theo Đợt Phát hành Mới. Mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có bốn mươi lăm (45) ngày sau khi gửi thông báo đó ("**Ngày Thông báo**") để gửi cho Công ty văn bản thông báo rằng Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đồng ý mua một phần hoặc toàn bộ Cổ phần trong Đợt Phát hành Mới của Công ty đối với Chứng khoán Mới với mức giá và theo các điều khoản được quy định cụ thể trong Thông báo Phát hành ("**Thông báo Mua Cổ phần**").
- d. Để tránh nhầm lẫn, Công ty sẽ không thực hiện Đợt Phát hành Mới cho đến Ngày Thông báo.
- e. Chậm nhất là mười (10) Ngày Làm việc sau ngày của Thông báo Mua Cổ phần:
 - i. Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại quyết định thực hiện các quyền của mình sẽ mua số Chứng khoán Mới theo tỷ lệ được quy định cụ thể trong Thông báo Mua Cổ phần và sẽ thanh toán số tiền có liên quan cho Công ty hoặc tổ chức liên quan;
 - ii. Công ty sẽ đăng ký số Chứng khoán Mới mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại mua trong sổ đăng ký cổ phần của Công ty và đứng tên Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại; và
 - iii. Công ty sẽ phát hành chứng chỉ mới cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thể hiện số Chứng khoán Mới mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đã mua.

6. Mua lại và Mua lại Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại

6.1 Mua lại theo yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại

Nếu xảy ra một trong các sự kiện sau, Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại với toàn quyền quyết định của mình và không ảnh hưởng đến quyền Chuyển đổi, có thể gửi thông báo cho Công ty, yêu cầu Công ty mua lại toàn bộ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại mà mình nắm giữ trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại, với giá mỗi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại bằng (i) Giá Mua lại trong trường hợp xảy ra sự kiện tại Mục 6.1(a), hoặc (ii) Giá Mua lại Đặc biệt trong trường hợp xảy ra sự kiện tại Mục 6.1(b) đến (hết) 6.1(d) (mỗi sự kiện đó gọi là một "**Sự kiện Mua lại Đặc biệt**"):

- a. Công ty không đạt Kiểm tra Khả năng Thanh toán;
- b. xảy ra việc Thay đổi quyền Kiểm soát;

- c. sau khi thực hiện quyền của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thực hiện quyền được Chuyển Đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại thành Cổ phần Phổ thông của Công ty, Công ty không phát hành Cổ phần Chuyển đổi vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi theo các điều khoản của Điều lệ này và các Tài liệu Giao dịch vì bất kỳ lý do gì (bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại bị cấm chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại thành Cổ phần Chuyển đổi, Công ty không thể phát hành Cổ phần Chuyển đổi do các hạn chế theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc Công ty không xin được các Phê duyệt cần thiết và/ hoặc thực hiện hành động nội bộ cần thiết để có thể thực hiện việc Chuyển đổi và phát hành Cổ phần Chuyển đổi); hoặc
- d. xảy ra một Sự kiện Vi phạm hoặc một Sự kiện Vi phạm Tiềm tàng.

6.2 Mua lại theo đề nghị của Công ty

Vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày tròn ba (3) năm sau Ngày Mua Cổ phần, Công ty có thể gửi thông báo bằng văn bản cho (các) Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đề nghị mua lại một số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại với Giá Mua lại mỗi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại để sau khi mua lại, số Cổ phần Phổ thông mà (các) Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có nếu (các) Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại còn lại của mình với Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần vào ngày của thông báo bằng văn bản đó sẽ chiếm 20% tổng số Cổ phần Phổ thông của Công ty trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn. Để tránh nhầm lẫn, Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có quyền chấp nhận hoặc từ chối một phần hay toàn bộ đề nghị đó.

